

記号	年月日	記 事	担当
△	2012.10.20	寸法修正, S.N.変更	彭錦銀

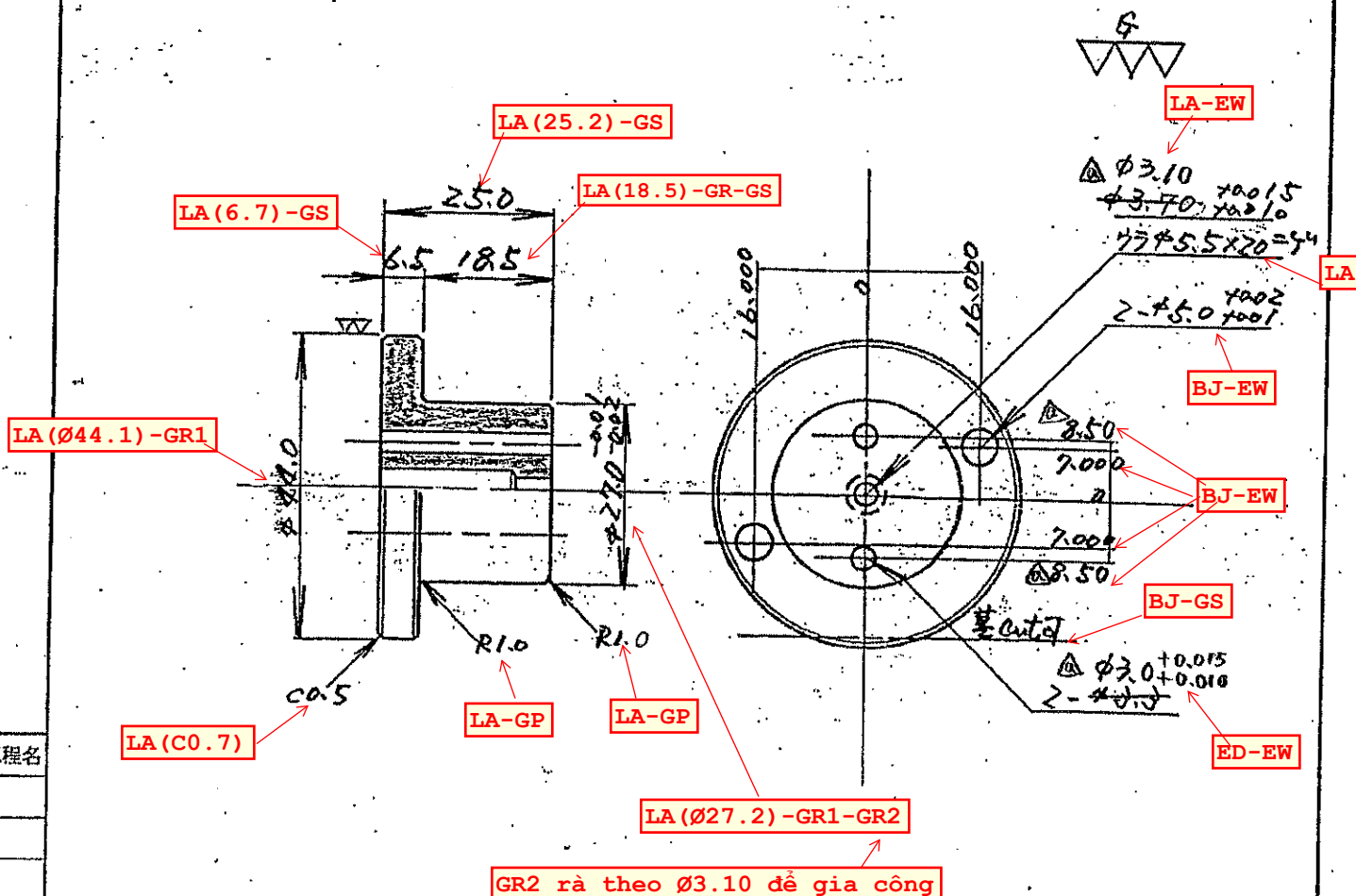
XUẤT BẢN VẼ

**BẢN VẼ DÙNG
CHẾ TÁC - NGHIỆM THU**

HỦY SAU KHI HOÀN TẤT
DO NOT COPY

2024.01.12

P.QLKTSX VDM



S CHUẨN

新醫西藥號 S874332

1-020 上模脱模器

圖 號 TM11-040 M-00-1-020-AA

0.0000	± 0.002	0.000^{+0}	± 0.002
0.000	± 0.005	0.000^{-0}	± 0.005
0.00	± 0.01	0.00^{+0}	± 0.01
0.0	± 0.1	0.00^{-0}	± 0.01
0.	± 0.2	0.0^{+0}	± 0.1
		0.0^{-0}	± 0.1

公差表示されている場合は、それを優先する

G.O. 4		1	
材 質		数 / 台	担当
熱 処 理	焼入 焼戻 HRC 56~58		
表面処理			
尺 寸	1/1 (1)		

~~郵品名~~

工 型
ストリッパ

審圖

番

一、

✓

27

—

10

370

112

11

88

5. Explain

✓

47

知

11

2

1

20

付

45

✓

0111

後記

✓

SNO: **S874332**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: G04 Ø46*30	LA:60 BJ:30 HT:40 GR1:30 GS1:40 ED:30 EW:150 GR2:40 GP:30 AF:10 KT